



CHƯƠNG 2
NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN
VỀ NHÀ NƯỚC



HỆ THỐNG QUY PHẠM PHÁP LUẬT

- Hiến pháp 2013
- Luật tổ chức Quốc Hội 2014; sửa đổi, bổ sung 2020
- Luật tổ chức Chính Phủ 2015
- Luật tổ chức toà án nhân dân 2014
- Luật tổ chức Viện Kiểm Sát nhân dân 2014
- Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2019
- Luật kiểm toán nhà nước 2015

NỘI DUNG CHƯƠNG

- I. Nguồn gốc, khái niệm, bản chất của nhà nước và chức năng của nhà nước
- II. Hình thức nhà nước
- III. Bộ máy nhà nước
- IV. Nhà nước CHXHCN Việt Nam

I. NGUỒN GỐC, KHÁI NIỆM, BẢN CHẤT, CHỨC NĂNG CỦA NHÀ NƯỚC

1. Nguồn gốc nhà nước
2. Khái niệm nhà nước
3. Bản chất nhà nước
4. Chức năng của nhà nước

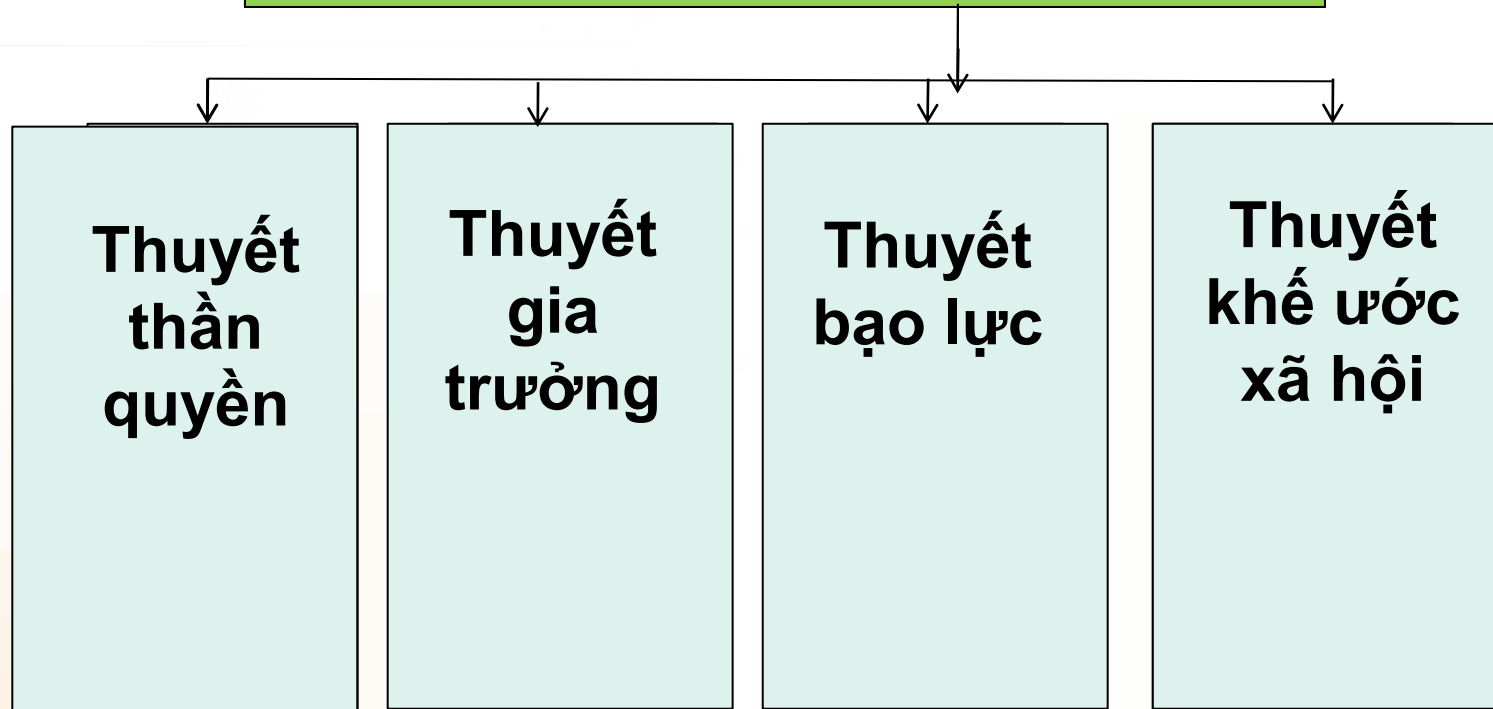
1. Nguồn gốc nhà nước

1.1. Quan điểm phi Mác xít về nguồn gốc nhà nước

1.2. Học thuyết Mác – Lê nin về nguồn gốc nhà nước

1.1. Quan điểm phi Mác – Xít về nguồn gốc nhà nước

Quan điểm phi Mác – xít về nguồn gốc nhà nước



1.2. Học thuyết Mác – Lênin về nguồn gốc nhà nước

Nội dung quan điểm:

Nhà nước không phải là hiện tượng xã hội vĩnh cửu, bất biến mà là một phạm trù lịch sử, có quá trình phát sinh, phát triển và tiêu vong. Nhà nước nảy sinh từ trong đời sống xã hội, xuất hiện khi xã hội loài người phát triển đến một trình độ nhất định và sẽ tiêu vong khi những điều kiện khách quan của sự tồn tại nhà nước không còn nữa.

❑ Quá trình hình thành NN

* Công xã nguyên thủy và tổ chức thị tộc- bộ lạc

Cơ sở kinh tế

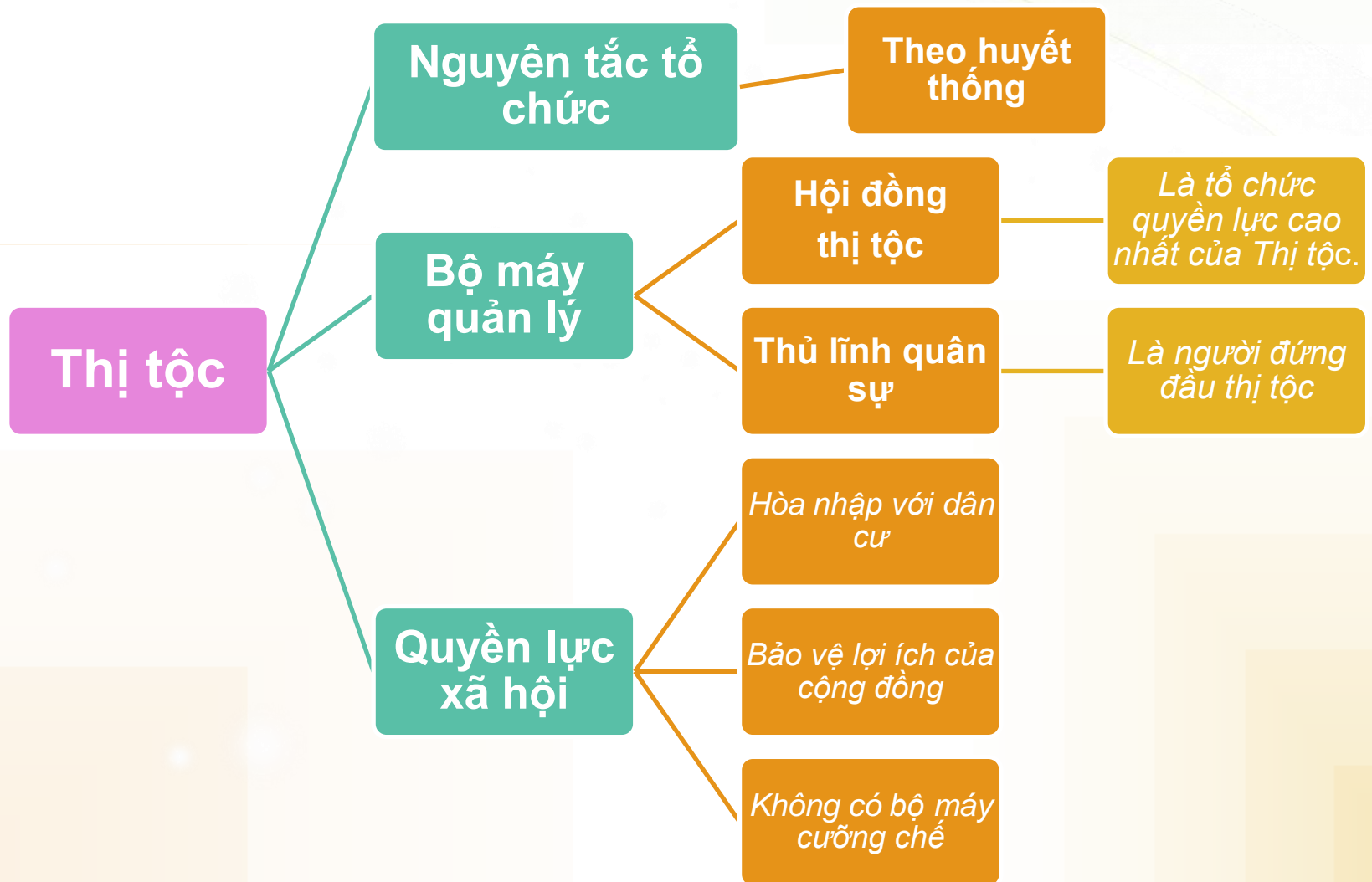
- Chế độ sở hữu chung về TLSX và sản phẩm lao động
- Nguyên tắc phân phối bình quân của cải.

Công xã nguyên thủy

Cơ sở xã hội

- Bình đẳng về quyền và địa vị xã hội.
- Không tồn tại đặc quyền, đặc lợi, sự phân hóa giàu nghèo.

Thị tộc



* Phân hoá giai cấp và sự xuất hiện nhà nước

Vào thời kỳ cuối của xã hội công xã nguyên thủy đã lần lượt diễn ra ba lần phân công lao động xã hội:

Lần 1
Chăn nuôi
tách khỏi
trồng trọt

Lần 2
Thủ công
nghiệp tách
khỏi nông
nghiệp

Lần 3
Thương
nghiệp ra
đời

*Ba lần phân
công lao động*

Nguyên nhân kinh tế:

Sự xuất hiện chế độ tư hữu...

Nguyên nhân xã hội:

Sự phân hoá xã hội thành giai cấp
đối kháng và mâu thuẫn ko thể điều
hòa được

**Nhà nước
ra đời**

1.3. Những phương thức hình thành nhà nước điển hình trong lịch sử

1

Sự ra đời
nhà nước
Aten
cổ đại

2

Sự ra đời
nhà nước
Rôma
cổ đại

3

Sự ra đời
nhà nước
Giéc –
manh

4

Sự ra đời
nhà nước
Phương
Đông
cổ đại

2. Khái niệm nhà nước

2.1. Định nghĩa

Nhà nước là tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, có bộ máy chuyên trách để cưỡng chế và quản lý xã hội nhằm duy trì trật tự xã hội, bảo vệ địa vị và lợi ích của giai cấp thống trị trong xã hội có giai cấp.

2.2. Đặc điểm nhà nước

Nhà nước thiết lập quyền lực công cộng đặc biệt

Nhà nước quản lý dân cư theo lãnh thổ

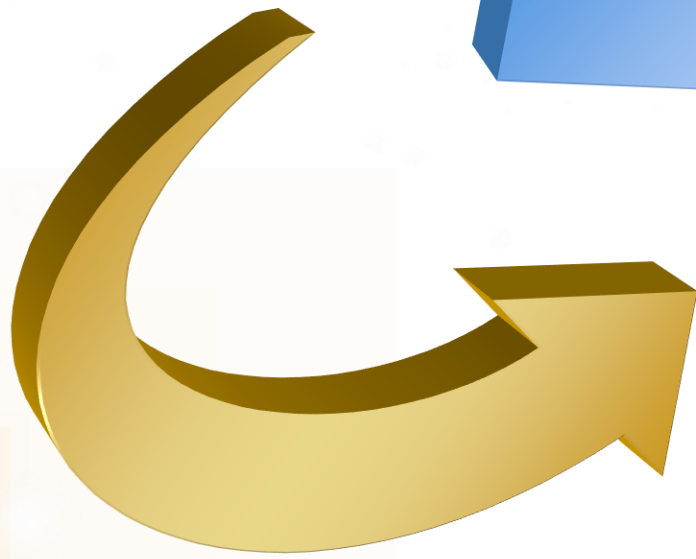
Nhà nước có chủ quyền quốc gia

Nhà nước ban hành pháp luật và bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước

Nhà nước quy định và tiến hành thu các loại thuế dưới hình thức bắt buộc

3. Bản chất của nhà nước

Tính giai cấp



Tính xã hội



3.1. Tính giai cấp của nhà nước

- Trả lời câu hỏi: *nhà nước của ai? Do ai lập ra và bảo vệ lợi ích của ai?*
- Nhà nước là bộ máy cưỡng chế đặc biệt nằm trong tay g/c cầm quyền, là công cụ sắc bén để thể thực hiện sự thống trị, duy trì trật tự xã hội.
- Sự thống trị giai cấp được thể hiện trên ba phương diện: Kinh tế, chính trị, tư tưởng

3.2. Tính xã hội

- Nhà nước ngoài bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị thì nhà nước còn bảo đảm lợi ích của các giai tầng khác trong xã hội.
- Nhà nước thực hiện các công việc chung của xã hội (xây dựng các công trình phúc lợi xã hội, trường học, bảo vệ môi trường, phòng chống dịch bệnh...)

4. CHỨC NĂNG CỦA NHÀ NƯỚC

4.1. Định nghĩa

Chức năng của nhà nước là những phương diện (mặt) hoạt động chủ yếu của nhà nước nhằm thực hiện những nhiệm vụ cơ bản được đặt ra trước nhà nước.

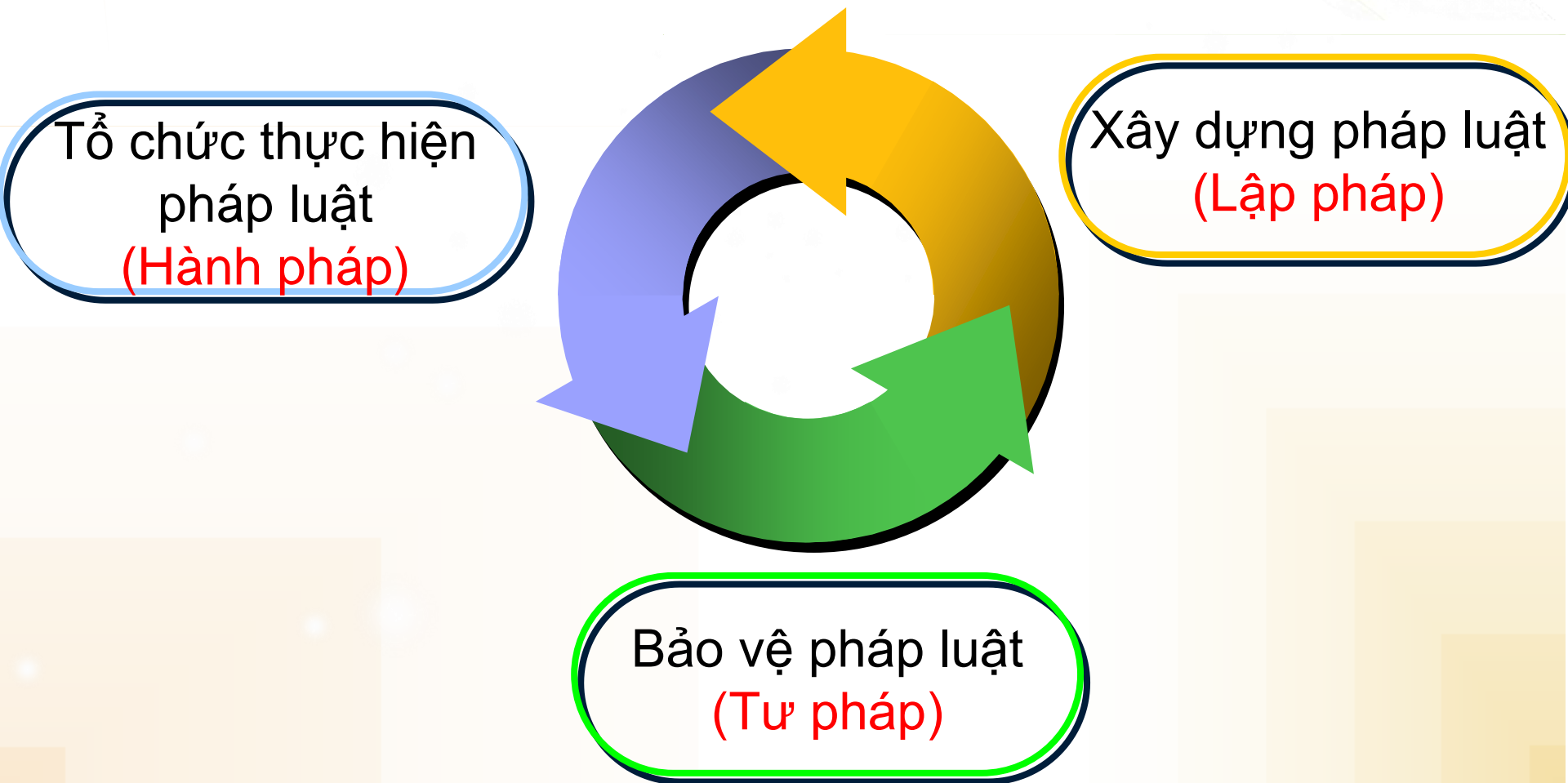
4.2. Phân loại

Căn cứ vào phạm vi hoạt động của nhà nước, chức năng của nhà nước gồm:

- Chức năng đối nội: phát triển kinh tế, đảm bảo trật tự xã hội, bảo vệ chế độ kinh tế - xã hội, ...
- Chức năng đối ngoại: bảo vệ đất nước, thiết lập quan hệ bang giao với các nước, ...

4.3. Hình thức và phương pháp thực hiện chức năng của nhà nước

a. Hình thức thực hiện



4.3. Hình thức và phương thức thực hiện chức năng của nhà nước

b. Phương thức thực hiện

Thuyết phục



Cưỡng chế

II. HÌNH THỨC NHÀ NƯỚC

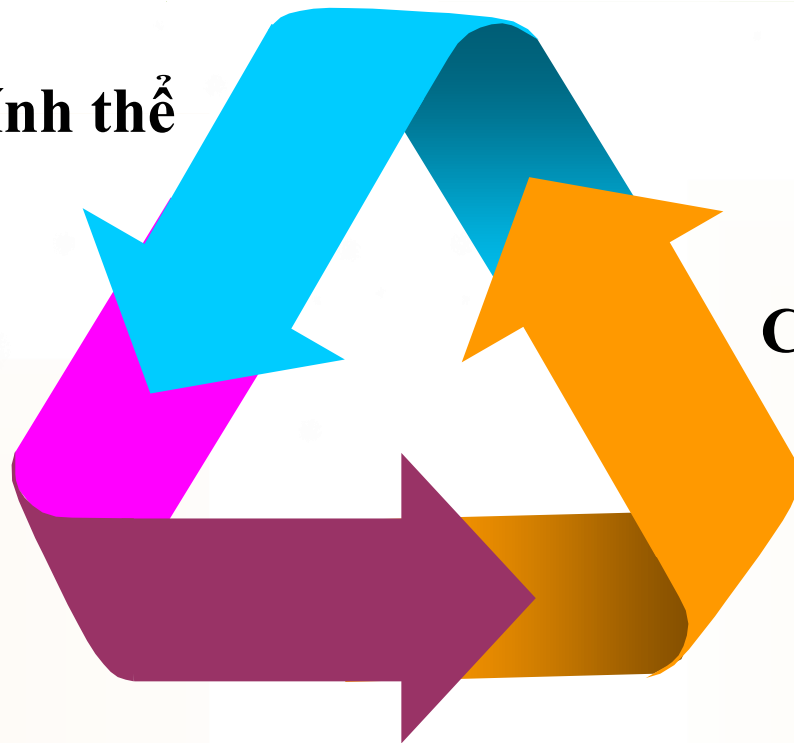
1. Khái niệm

Hình thức nhà nước là cách thức tổ chức và phương pháp thực hiện quyền lực nhà nước.



2. Các yếu tố của hình thức nhà nước

Hình thức chính thể



Chế độ chính trị

Hình thức cấu trúc nhà nước

2.1. Hình thức chính thể

2.1.1. Định nghĩa

Hình thức chính thể là cách thức tổ chức, trình tự thiết lập và quan hệ của các cơ quan quyền lực nhà nước tối cao cũng như mức độ tham gia của nhân dân vào việc thành lập các cơ quan này.

2.1.2. Các hình thức chính thể

Chính thể quân chủ

Chính thể cộng hoà

Quân
chủ
tuyệt
đối

Quân
chủ
hạn
chế

Cộng
hoà
quý
tộc

Cộng
hoà
dân
chủ

2.2. Hình thức cấu trúc nhà nước

2.2.1. Định nghĩa

Hình thức cấu trúc là việc tổ chức Nhà nước thành các đơn vị hành chính lãnh thổ và xác lập những mối liên hệ qua lại giữa các cơ quan Nhà nước, giữa trung ương với địa phương.

Hình thức cấu trúc bao gồm 2 loại:

1

Nhà nước đơn nhất

- Có chủ quyền chung cho toàn bộ lãnh thổ, lãnh thổ thống nhất.
- Một hệ thống cơ quan nhà nước thống nhất.
- Có một hệ thống pháp luật.

2

Nhà nước liên bang

- Nhà nước liên bang có chủ quyền chung, các tiểu bang có sự độc lập tương đối.
- Có 2 hệ thống cơ quan nhà nước (cơ quan của liên bang, cơ quan của từng bang).
- Có 2 hệ thống pháp luật (Luật của liên bang, luật của từng bang)

2.3. Chế độ chính trị

2.3.1. Định nghĩa

Là tổng thể các phương pháp, thủ đoạn, cách thức mà các cơ quan nhà nước sử dụng để thực hiện quyền lực nhà nước



III- BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

1. Khái niệm

1.1. Định nghĩa

Bộ máy nhà nước là hệ thống các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương, được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc chung, thống nhất nhằm thực hiện những nhiệm vụ và chức năng của nhà nước.

1.2. Đặc điểm

- Là công cụ chuyên chính của giai cấp thống trị về kinh tế, chính trị, tư tưởng trong xã hội, bảo vệ trước hết lợi ích của giai cấp cầm quyền.
- Nắm giữ đồng thời ba quyền lực trong xã hội: kinh tế, chính trị và tư tưởng.
- Sử dụng pháp luật để quản lý xã hội.
- Vận dụng 2 phương pháp quản lý cơ bản: thuyết phục và cưỡng chế.

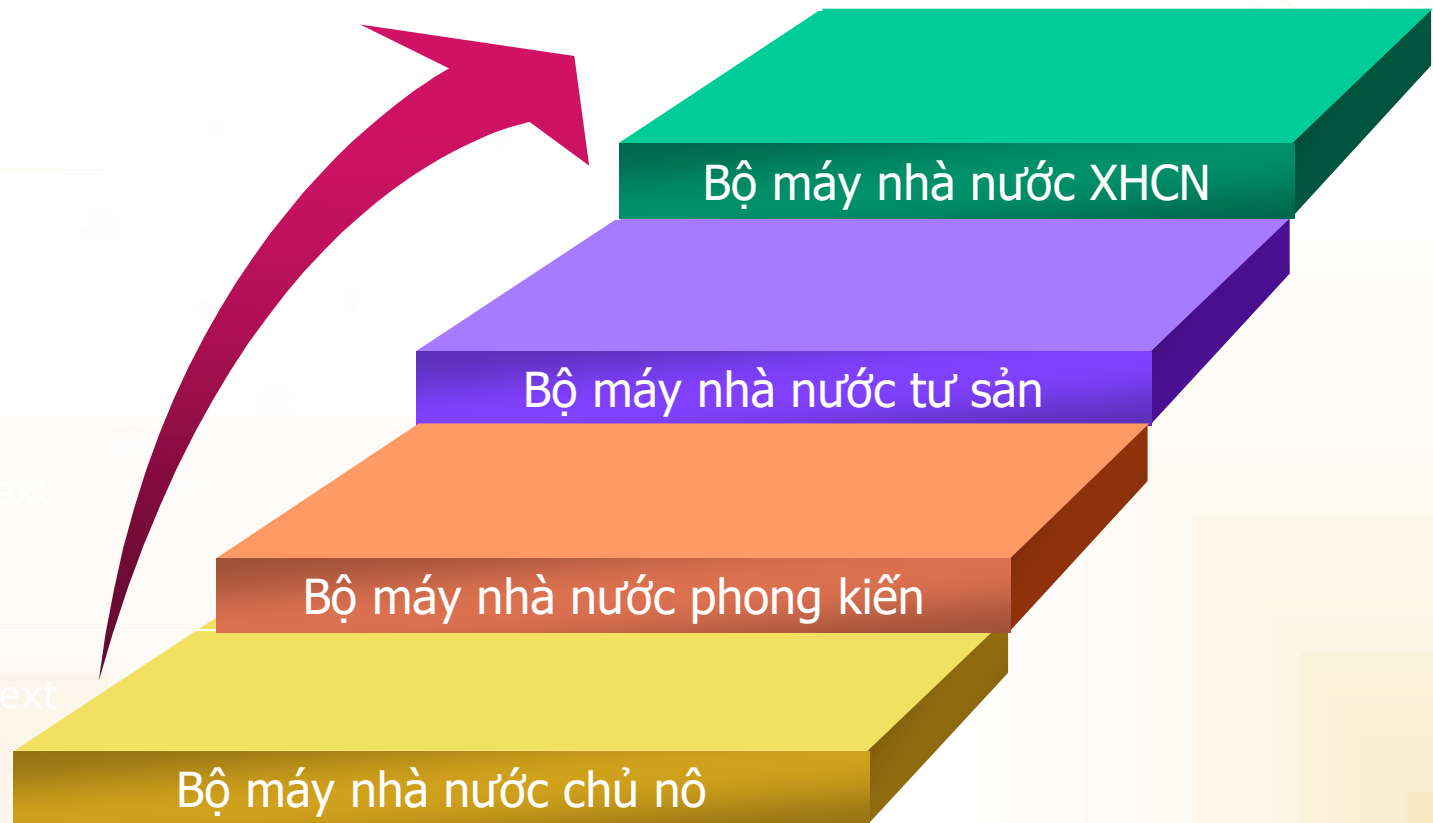
2. Cấu trúc của bộ máy Nhà nước

2.1. Các nguyên tắc cơ bản nhất trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước:

- Nguyên tắc tập quyền
- Nguyên tắc phân quyền

2. Cấu trúc của bộ máy Nhà nước

2.2. *Quá trình phát triển của bộ máy nhà nước:*



2.2.1 Bộ máy nhà nước chủ nô

a. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

Được tổ chức theo nguyên tắc tập quyền chủ nô

b. Cấu trúc bộ máy nhà nước

Mô hình tổ chức bộ máy nhà nước: **Quân sự- hành chính.**

2.2.2. Bộ máy nhà nước phong kiến:

a. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

Được tổ chức theo nguyên tắc tập quyền phong kiến

b. Cấu trúc bộ máy nhà nước:

Giai đoạn đầu: Mô hình bộ máy nhà nước phân quyền cát cứ.

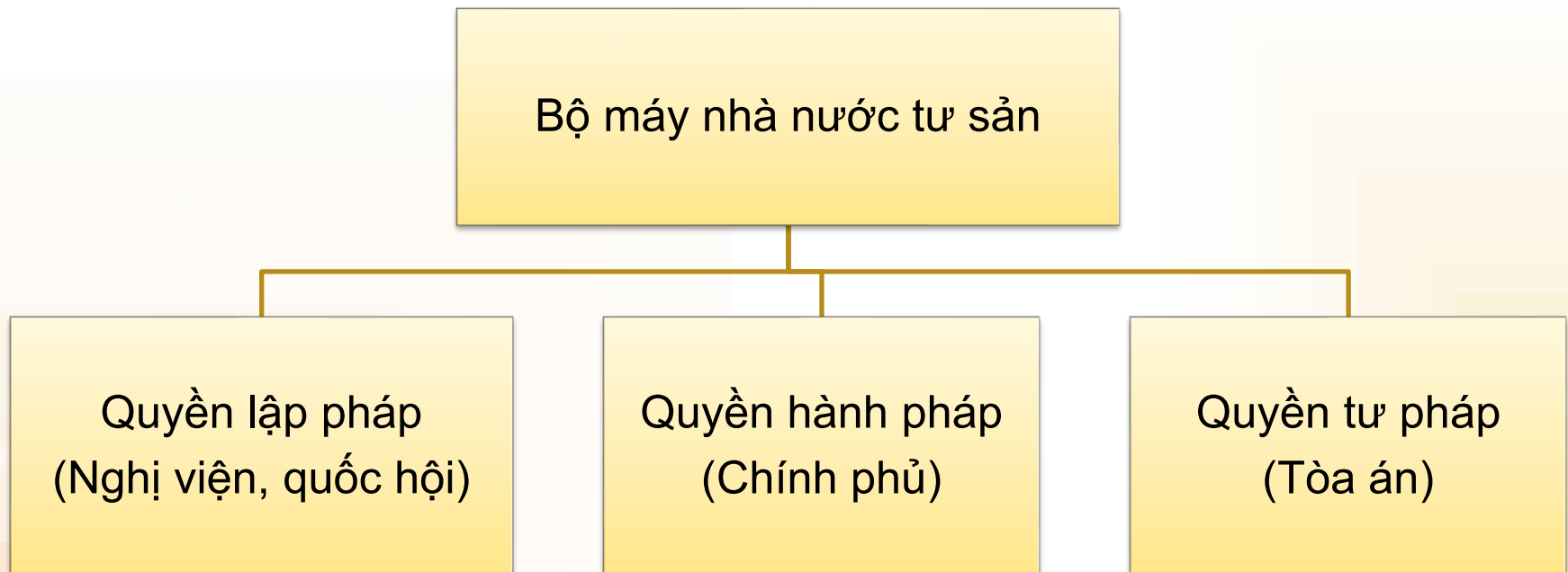
Giai đoạn sau: Mô hình bộ máy nhà nước trung ương tập quyền.

2.2.3 Bộ máy nhà nước tư sản

a. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

Dựa trên học thuyết phân chia quyền lực (nguyên tắc tam quyền phân lập).

b. Cấu trúc bộ máy nhà nước



2.2.4 Bộ máy nhà nước XHCN

a. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động:

Nguyên tắc tập quyền xã hội chủ nghĩa

b. Cấu trúc bộ máy nhà nước:

1. Hệ thống cơ quan quyền lực
2. Hệ thống cơ quan hành chính
3. Nguyên thủ quốc gia
4. Hệ thống cơ quan xét xử
5. Hệ thống cơ quan kiểm sát

....

IV. NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- 1. Bản chất Nhà nước CHXHCHN Việt Nam**
- 2. Hình thức Nhà nước CHXHCHN Việt Nam**
- 3. Chức năng Nhà nước CHXHCHN Việt Nam**
- 4. Bộ máy Nhà nước CHXHCHN Việt Nam**

1. Bản chất Nhà nước CHXHCN Việt Nam

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

(Khoản 1, 2 Hiến pháp 2013)

2. Hình thức nhà nước CHXHCN Việt Nam

- **Hình thức chính thể:** Cộng hòa dân chủ XHCN
- **Hình thức cấu trúc:** Nhà nước đơn nhất
- **Chế độ chính trị:** Dân chủ.

3. Chức năng Nhà nước CHXHCN Việt Nam



Chức năng kinh tế

Chức năng xã hội

Chức năng
tư tưởng,
văn hóa



Bảo vệ đất nước

Thiết lập, phát triển
quan hệ bang giao

Hợp tác vì những
hoạt động chung

4. Bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

4.1. Các nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam

- Nguyên tắc tất cả quyền lực thuộc về tay nhân dân
- Nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp
- Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng
- Nguyên tắc bình đẳng và đoàn kết giữa các dân tộc
- Nguyên tắc tập trung dân chủ
- Nguyên tắc pháp quyền xã hội chủ nghĩa

4. Bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

4.2. Các cơ quan trong Bộ máy nhà nước



Quốc hội



Chủ tịch nước



Chính phủ



Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân



Chính quyền địa phương



Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước

QUỐC HỘI

a/ Cơ chế thành lập: Do nhân dân trực tiếp bầu ra.

b/ Vị trí pháp lý: QH là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa VN

c/ Chức năng; nhiệm vụ quyền hạn

- Chức năng

+ Là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp

+ Quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước

+ Thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của nhà nước.

- Nhiệm vụ, quyền hạn: Điều 70 Hiến pháp 2013 và Luật Tổ chức Quốc hội

CHỦ TỊCH NƯỚC

a/ Cơ chế thành lập: Chủ tịch nước do QH bầu theo nhiệm kỳ của QH.

b/ Vị trí pháp lý: Điều 86 Hiến pháp 2013 quy định “*Chủ tịch nước là người đứng đầu nhà nước, thay mặt nước CHXHCN Việt Nam về đối nội và đối ngoại*”

c/ Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Điều 88 Hiến pháp 2013

CHÍNH PHỦ

a/ Cơ chế thành lập: Do nhân dân gián tiếp bầu thông qua cơ quan quyền lực cao nhất. Quốc hội bầu thủ tướng Chính Phủ trong số các đại biểu Quốc hội.

b/ Vị trí pháp lý: Đ94 hiến pháp 2013 qui định: Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước CHXHCN Việt Nam.

c/ Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Điều 96 Hiến pháp 2013, Điều 6-27 Luật Tổ chức Chính phủ

TÒA ÁN NHÂN DÂN

a/ Cơ chế thành lập: Chánh án Tòa án nhân dân tối cao do Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch nước; Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Tỉnh do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

b/ Vị trí pháp lý: là hệ thống cơ quan xét xử trong bộ máy nhà nước Việt Nam (Điều 102 Hiến pháp 2013)

c/ Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

- **Chức năng:** xét xử

- **Nhiệm vụ, quyền hạn:** Điều 2 Luật tổ chức Tòa án nhân dân 2014.

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

a/ Cơ chế thành lập: Viện trưởng VKSND tối cao do QH bầu theo đề nghị của Chủ tịch nước; Việc thành lập, giải thể VKSND cấp cao, VKSND cấp tỉnh, VKSND cấp huyện do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định theo đề nghị của Viện trưởng VKSND tối cao.

b/ Vị trí pháp lý: là cơ quan giữ quyền công tố và giám sát hoạt động tư pháp của nhà nước CH XHCN VN.

c/ Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

- Chức năng:

+ *Thực hành quyền công tố:* Điều 3 Luật tổ chức VKSND 2014

+ *Kiểm sát hoạt động tư pháp:* Điều 4 Luật tổ chức VKSND 2014

- Nhiệm vụ, quyền hạn: Điều 41 Luật Tổ chức VKSND 2014

CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

1. Hội đồng nhân dân

a/ Cơ chế thành lập: HĐND địa phương do nhân dân địa phương trực tiếp bầu ra.

b/ Vị trí pháp lý: HĐND là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân địa phương, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên (Điều 113 Hiến pháp 2013)

c/ Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Điều 19, 26 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương

CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

2. Ủy ban nhân dân

a/ Cơ chế thành lập: UBND địa phương do HĐND địa phương bầu ra

b/ Vị trí pháp lý: là cơ quan chấp hành và hành chính của nhà nước ở địa phương, do HĐND địa phương cùng cấp bầu ra, chịu trách nhiệm chấp hành HP, Luật, các văn bản của cơ quan NN cấp trên và các NQ của HĐND cùng cấp (Điều 114 Hiến pháp 2013)

c/ Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Điều 21, 28 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ

a/ Cơ chế thành lập (Điều 117 Hiến pháp 2013): là cơ quan do Quốc hội thành lập

b/ Vị trí pháp lý: Là cơ quan tổ chức bầu cử ĐBQH và hướng dẫn bầu cử ĐBHĐND

c/ Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

- **Chức năng:** tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội; chỉ đạo và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

- **Nhiệm vụ, quyền hạn:** Điều 14 Luật bầu cử ĐBQH và ĐBHĐND

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

a/ Cơ chế thành lập (Điều 118 Hiến pháp 2013)

- Kiểm toán nhà nước là cơ quan do Quốc hội thành lập
- Tổng Kiểm toán nhà nước là người đứng đầu Kiểm toán nhà nước, do Quốc hội bầu

b/ Vị trí pháp lý: Là cơ quan thực hiện kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công.

c/ Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

- **Chức năng:** Kiểm toán nhà nước có chức năng đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị đối với việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công (Khoản 1 Điều 118 Hiến pháp 2013; Điều 9 Luật kiểm toán nhà nước 2015)

- **Nhiệm vụ, quyền hạn:** Điều 13,14 Luật Kiểm toán nhà nước 2015